TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-ST
Ngày: 11 /9/ 2023
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang, bà H Jen Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Linh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Lương Byă – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2023/TLST-DS ngày 06/4/2023. Về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số nhà 156, tổ dân phố 3B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Bà N có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Trần Văn Ng, sinh năm 1978 bà Trần Thị P, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 16, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Phạm Thị Cẩm H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Khối 3B thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Bà H vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:***

Ngày 24/4/2021, bà N cho bà P vay số tiền 90.000.000đồng để trả nợ cho Ngân hàng (vay để đảo nợ), thời hạn vay 02 ngày, lãi suất không thỏa thuận. Sau khi vay bà P còn thiếu 28.500.000đồng tiền lãi để trả cho ngân hàng nên cũng trong ngày 24/4/2021, bà P đề nghị vay thêm 28.500.000đồng. Do bà N không có tiền nên đã vay của bà Phạm Thị Cẩm H để đưa cho bà P vay. Thời hạn vay 02 ngày, lãi suất không thỏa thuận. Số tiền này bà N đã trả cho bà H, còn bà P chưa trả lại cho bà N.

Quá thời hạn trả, do không thấy bà P trả tiền vay, bà N đã đến nhà bà P đòi tiền. Ông Trần Văn Ng và bà P đã viết giấy hẹn ngày 19/6/2021, ông Ng nhận cùng

với bà P trả số tiền mà bà P đã vay của bà N nêu trên trên tổng cộng 118.500.000đồng nhưng ghi nhầm thành 118.000.000đồng, hẹn đến ngày 29/6/2021 sẽ trả đủ số tiền nợ. Đến ngày 22/6/2021, bà P mới trả cho bà N nợ gốc 73.000.000đồng, bà P viết giấy xác nhận là đã trả 73.000.000đồng, còn nợ 57.940.000đồng (trong đó 45.500.000đồng tiền gốc và 12.440.000đồng tiền lãi) hẹn đến ngày 29/6/2021 sẽ trả hết toàn bộ. Tuy nhiên từ đó đến nay bà P không trả cho bà N khoản tiền nào khác.

Theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu ông Ng bà P phải trả tiền nợ gốc 57.940.000đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 22/6/2021 đến ngày 22/3/2021, mức lãi suất 3%/tháng là 36.502.000đồng, tổng cộng 94.442.000đồng. Tại phiên toà, bà N yêu cầu bà P và ông Ng phải trả cho tiền gốc còn nợ 45.500.000đồng và tiền lãi 12.440.000đồng theo giấy xác nhận ngày 22/6/2021. Và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc 45.500.000đồng từ ngày 22/6/2021 tạm tính đến ngày 22/8/2023 (02 năm 60 ngày = 790 ngày) 10%/năm là 45.500.000đồng x 790 ngày x 10%: 365= 9.848.000đồng. Tổng cộng 67.788.000đồng. Bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chệnh lệch so với đơn khởi kiện là 26.654.000 đồng.

*** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vợ chồng bà Trần Thị P, ông Trần Văn Ng** đã được nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không cung cấp văn bản, thông tin, tài liệu chứng cứ. Bà P và ông Ng vắng mặt nên không thể tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất được. Trước khi mở phiên tòa, bà P ông Ng có cung cấp bản photo sổ hộ nghèo và Đơn yêu cầu miễn án phí qua đường bưu chính.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự(BLTTDS).

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định theo BLTTDS.

-Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định của BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không có mặt tham gia hòa giải. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử.

Đề nghị HĐXX, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 45.500.000đồng và tiền lãi 12.440.000đồng theo giấy xác nhận ngày 22/6/2021. Và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc 45.500.000đồng từ ngày 22/6/2021 tạm tính đến ngày 22/8/2023 (02 năm 60 ngày = 790 ngày) 10%/năm là 45.500.000đồng x 790 ngày x10% : 365 = 9.848.000đồng. Tổng cộng 67.788.000đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền chênh lệch so với đơn khởi kiện mà nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện 26.654.000 đồng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn (vợ chồng ông Trần Văn Ng và bà Trần Thị P) phải trả tiền vay. Bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn 16, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp làm căn cứ yêu cầu khởi kiện gồm giấy vay tiền ngày 24/4/2021 do bị đơn bà Trần Thị P ký, giấy hẹn ngày trả nợ ngày 19/6/2021 do bị đơn ông Trần Văn Ng viết và ký, bà P cùng ký và Giấy xác nhận ngày 22/6/2021 do bị đơn bà P viết và ký xác nhận.

Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác hợp lệ cho bị đơn theo quy định của BLTTDS. Bị đơn có mặt tại nơi cư trú, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn không có văn bản ghi ý kiến phản hồi và không cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó căn cứ Điều 96 BLTTDS, *"Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật này để giải quyết vụ việc dân sự"*.

Việc bị đơn bà P vay tiền của nguyên đơn nhằm để thực hiện nhu cầu trả nợ chung của vợ chồng cho Ngân hàng, bị đơn ông Ng đã xác nhận tại giấy hẹn ngày trả nợ ngày 19/6/2021. Căn cứ khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình thì việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn vợ chồng bà P và ông Ng cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định cần chấp nhận.

Bị đơn không có ý kiến phản đối nội dung theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh các khoản nợ mà nguyên đơn cung cấp đã nêu ở trên. Như vậy có thể xác định các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự (BLDS). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS, giấy vay tiền ngày 24/4/2021 do bị đơn bà Trần Thị P ký, giấy hẹn ngày trả nợ ngày 19/6/2021 do bị đơn ông Trần Văn Ng viết và ký, bà P cùng ký và Giấy xác nhận ngày 22/6/2021 do bị đơn bà P viết và ký xác nhận do nguyên đơn cung cấp là chứng cứ có thật không phải chứng minh.

Theo giấy xác nhận ngày 22/6/2021, do bị đơn bà P viết và ký lần cuối cùng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 73.000.000đồng, còn nợ 57.940.000đồng, không ghi rõ nợ gốc và nợ lãi. Theo ý kiến của nguyên đơn thì trong số tiền còn nợ lại có 45.500.000đồng tiền gốc và 12.440.000đồng tiền lãi. Thời hạn trả hết số tiền còn nợ ngày 29/6/2021. Tuy nhiên, từ đó đến nay bị đơn không trả cho nguyên đơn khoản tiền nào khác, bà P cũng không cung cấp chứng cứ tài liệu chứng minh cho việc trả số tiền còn nợ. Do bị đơn chưa hoàn thành nghĩa vụ trả tiền đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ, nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn: nợ gốc 45.500.000đồng và tiền lãi 12.440.000đồng theo giấy xác nhận ngày 22/6/2021.

Về lãi suất, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nguyên đơn có yêu cầu trả lãi. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 357 BLDS cần buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Về mức lãi theo các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp không thể hiện mức lãi suất cho vay. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 10%/năm tính trên số nợ gốc 45.500.000đồng tạm tính từ ngày 22/6/2021 đến ngày 22/8/2023 (02 năm 60 ngày = 790 ngày) là 9.848.000đồng. Mức lãi suất, thời gian tính lãi và số tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Như vậy, tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 67.788.000đồng.

[2.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi yêu cầu bị đơn phải trả có chênh lệch so với đơn khởi kiện 26.654.000đồng, HĐXX cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn (67.788.000đồng x 5 %) = 3.389.400đồng. Bị đơn thuộc hộ nghèo và có Đơn yêu cầu miễn án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 357 BLDS Điều 463, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, buộc bị đơn vợ chồng bà Trần Thị P ông Trần Văn Ng phải trả cho bà N tổng cộng 67.788.000đồng (*Sáu mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng*). Trong

đó: 45.500.000đồng tiền nợ gốc, tiền lãi 12.440.000đồng theo giấy xác nhận ngày 22/6/2021 và tiền lãi chậm trả trên số nợ gốc 45.500.000đồng tạm tính từ ngày 22/6/2021 đến ngày 22/8/2023 là 9.848.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N buộc bị đơn phải trả số tiền lãi 26.654.000đồng.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn vợ chồng bà Trần Thị P ông Trần Văn Ng.

4. Thông báo quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

5. *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7avà Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hải

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.